

Bản án số: 08 / 2020 / HNGĐ - ST  
Ngày : 25/ 9/ 2020  
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vũ Văn Chiến và ông Đinh Quang Tuy.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Trịnh Việt Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Huyền Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2020/ TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1988.  
Địa chỉ: Xóm Đ, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn Đ - Sinh năm: 1989.  
Địa chỉ: Xóm 2, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị T còn vắng mặt anh Vũ Văn Đ (anh Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Văn Đ, sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn tại UBND xã Khánh H, huyện Yên Khánh vào ngày 07 tháng 6 năm 2011, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới chị và anh Đ về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh Đ tại UBND xã Khánh H, huyện Yên Khánh, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 8 năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, anh Đ không tu trí làm ăn, hay chơi bời, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra. Chị đã dọn về sống cùng bố mẹ đẻ tại

xóm Đ, xã Khánh Hội để sinh sống, chị và anh Đ đã sống ly thân được khoảng 03 năm. Trong thời gian ly thân chị và anh Đ không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn Đ.

Về con: Từ khi kết hôn đến nay chị và anh Vũ Văn Đ có hai người con chung, tên cháu là Vũ Khánh L, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2011 và cháu Vũ Thành L1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2015. Hiện nay cả hai cháu đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T đang công tác tại Công ty sản xuất giày ChungJie của Đài Loan, có thu nhập ổn định 6.000.000 đồng/tháng và có thời gian chăm sóc con. Do vậy nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu L và cháu L1 cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Về con riêng chị và anh Đ không ai có, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Từ khi kết hôn đến nay chị và anh Vũ Văn Đ không có tài sản chung (riêng) về công nợ và đất nông nghiệp không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn Đ, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp về thông báo thụ lý và giao các văn bản tố tụng cho anh Vũ Văn Đ, anh Đ ký nhận nhưng không đến Tòa án làm việc để viết bản khai và cũng không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì trong quá trình Tòa án giải quyết. Ngày 05/8/2020 Tòa án tiến hành lập biên bản làm việc, anh Đ có quan điểm, anh và chị T có đăng ký kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân kể từ tháng 3/2018 cho đến nay, nhưng anh không nhất trí ly hôn vì mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, về con có hai người con chung như chị T trình bày là đúng, nếu trường hợp phải ly hôn thì giao cả hai cháu chỉ chị T nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng cho hai cháu, còn về tài sản anh Đ không có ý kiến và yêu cầu gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, việc anh Điệp vắng phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị T xử cho ly hôn với anh Vũ Văn Đ. Về con: Giao cháu Vũ Khánh L, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2011 và cháu Vũ Thành L1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị T, được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Vũ Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị Nguyễn Thị T hàng tháng mỗi cháu với mức là

800.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh Vũ Văn Đ có quyền đi lại thăm nom con chung. Về án phí chi T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm và anh Vũ Văn Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng để sung ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vào ngày 10/9/2020 có mặt chị Nguyễn Thị T còn anh Vũ Văn Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T có mặt còn anh Vũ Văn Đ vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn Đ có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 6 năm 2011 tại UBND xã Khánh H, huyện Yên Khánh, sau khi cưới chị và anh Đ về chung sống cùng với bố mẹ anh Đ tại xã Khánh H. Chị và anh Đ chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn không được cải thiện nên chị T đã cùng các con chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xóm Đ, xã Khánh H để sinh sống, chị và anh Đ đã sống ly thân cho đến nay gần 3 năm, trong thời gian sống ly thân chị và anh Đ không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù anh chị đã được gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Đ, nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc để viết bản khai và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ gì. Ngày 05/8/2020 Tòa án tiến hành lập biên bản làm việc, anh Đ có quan điểm: Vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân kể từ tháng 3/2018 cho đến nay, nhưng anh không nhất trí ly hôn vì mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, về con có hai con chung như chị T trình bày là đúng, nếu trường hợp phải ly hôn thì giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng cho hai cháu, còn về tài sản anh Đ không có ý kiến và yêu cầu gì. Việc anh Đ không đến Tòa án làm việc, không giao nộp bất cứ tài liệu chứng cứ và bản tự khai cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh phải chịu hậu quả của việc không giao nộp tài liệu, chứng cứ khi Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Căn cứ vào các tài liệu chị T xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh Đ trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng về đoàn tụ được. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Vũ Văn Đ là phù hợp.

[3] Về con: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn Đ cho đến nay có hai con chung là cháu Vũ Khánh L, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2011 và cháu Vũ Thành L1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2015. Hiện các cháu đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giao hai cháu L và cháu L1 cho chị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng tiền nuôi hai con chung cho chị là 2.000.000 đồng/ tháng. Đến ngày 10/8/2020 chị thay đổi mức cấp dưỡng, chị yêu cầu mức cấp dưỡng là 800.000 đồng mỗi cháu, mỗi tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Xét về yêu cầu và điều kiện nuôi con của chị T thấy rằng hiện chị đang nuôi dưỡng cả hai cháu kể từ khi vợ chồng sống ly thân, hiện nay chị đang làm công nhân có thu nhập ổn định 6.000.000 đồng/tháng, mặt khác nguyện vọng của cháu L mong muốn được ở cùng với chị T và quan điểm của anh Đ nếu ly hôn anh nhất trí giao hai con cho chị T nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi hai con là 2.000.000 đồng một tháng, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp: Giao cháu L và cháu L1 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Vũ Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị T với mức mỗi cháu, mỗi tháng là 800.000 đồng, kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung là phù hợp. Về con riêng không ai có nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Trong quá trình Tòa án giải quyết chị T xác định không có tài sản, về công nợ và đất nông nghiệp không có nên không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm ; anh Vũ Văn Đ phải nộp án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên**

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81, 82, 83, 84 và các Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Vũ Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

- Về con: Giao cháu Vũ Khánh L, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2011 và cháu Vũ Thành L1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc anh Vũ Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Vũ Khánh L và cháu Vũ Thành L1 cho chị Nguyễn Thị T, hàng tháng với mức mỗi cháu là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh Vũ Văn Đ có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Vũ Văn Đ không thi hành hết khoản tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T xác định không có tài sản, về công nợ và đất nông nghiệp không có nên không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002204 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Anh Vũ Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Khánh H.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung**